

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kiểm tra Cuối Kỳ 1 năm học 2021-2022

Căn cứ Thông tư số 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 3997/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức học tập trực tiếp tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ vào Văn bản số 3481/SGDDT-GDTrH ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức kiểm tra đánh giá cuối kỳ 1 năm học 2021-2022;

Tổ Hoá học thống nhất kế hoạch Kiểm tra Cuối Kỳ 1 năm học 2021-2022 như sau:

I. NỘI DUNG KIỂM TRA

STT	Nội dung	Khối 10	Khối 11	Khối 12
1	Thời gian làm bài	45	45	45
2	Hình thức: tự luận (TL), trắc nghiệm (TN), TL kết hợp với TN)	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm	Trắc nghiệm
3	Giới hạn nội dung lý thuyết	Từ bài “Nguyên tử” đến hết bài “Phản ứng oxi hóa-khử”.	Từ bài “Sự điện li” đến hết bài “Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ”.	Từ bài “Este” đến hết bài “Điều chế kim loại”.
4	Giới hạn nội dung bài tập	Từ bài “Nguyên tử” đến hết bài “Phản ứng oxi hóa-khử”.	Từ bài “Nguyên tử” đến hết bài “Phản ứng oxi hóa-khử”.	Từ bài “Este” đến hết bài “Điều chế kim loại”.

II. CẤU TRÚC BÀI KIỂM TRA:

Hình thức	Nội dung	Khối 10			Khối 11			Khối 12		
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
Trắc nghiệm	Số câu	12	8	5	12	8	5	15	9	6
	Số điểm	4,8	3,2	2,0	4,8	3,2	2,0	5,0	3,0	2,0
Tự luận	Số câu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Số điểm	0	0	0	0	0	0	0	0	0

III. MA TRẬN – BẢNG ĐẶC TẢ KHỐI 12

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1													
MÔN: HOÁ HỌC 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT													
TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số câu	Thời gian	
			Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian	Số câu	Thời gian			
1	Amin, amino axit và protein	Amin	2	1.5	0	0		0			2	1.5	6.7%
2		Amino axit	2	1.5	1	1.25		0			3	2.75	10.0%
3		Peptit, protein	3	2.25	2	2.5	1	3.75			6	8.5	20.0%
4		Tổng hợp hữu cơ		0	2	2.5	2	7.5			4	10	13.3%
5	Polime	Trùng hợp, trùng ngưng	1	0.75	1	1.25		0			2	2	6.7%
6		Chất dẻo, tơ, cao su	3	2.25	1	1.25		0			4	3.5	13.3%
7	Đại cương kim loại	Tính chất kim loại, dãy điện hóa	2	1.5	1	1.25		0			3	2.75	10.0%
8		Sự ăn mòn kim loại	1	0.75	0	0		0			1	0.75	3.3%
9		Điều chế kim loại	1	0.75	0	0	1	3.75			2	4.5	6.7%
10		Tổng hợp kiến thức		0	1	1.25	2	7.5			3	8.75	10.0%
Tổng			15	11.25	9	11.25	6	22.5	0	0	30	45	100.0%
Tỉ lệ %			50%		30%		20%		0%				
Tỉ lệ chung			80%				20%						

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 1
MÔN: HÓA HỌC 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chương 3: Amin, aminoaxit, protein	1. Amin	Nhận biết: - Khái niệm, phân loại, cách gọi tên, cấu tạo phân tử, bậc amin; tính chất vật lý, tính chất hoá học (tính bazơ, phản ứng thế brom). - Xác định công thức amin, tính các chất trong phản ứng với axit, phản ứng cháy của amin.	2	0	0	0
		2. Amino axit	Nhận biết: - Khái niệm, cấu tạo phân tử, tên gọi, công thức các amino axit cơ bản, tính chất vật lý, ứng dụng, tính chất hoá học amino axit. - Xác định công thức amino axit, tính các chất trong phản ứng với axit, bazơ của amino axit. Thông hiểu: - Tính chất hóa học của amino axit (tính lưỡng tính; phản ứng este hoá; phản ứng trùng ngưng của α và ω -amino axit). - Xác định CTPT, CTCT, khối lượng amino axit trong hỗn hợp các amino axit.	2	1	0	0
		3. Peptit, protein	Nhận biết: - Định nghĩa, đặc điểm cấu tạo, tính chất vật lý, tính chất hoá học của peptit, protein, vai trò protein đối với sự sống. Thông hiểu: - Viết cấu tạo một số peptit, dipeptit, tripeptit, tính số mắt xích α -amino axit trong một phân tử peptit hoặc protein. - Tính các chất trong phản ứng thủy phân peptit. Vận dụng: - Xác định cấu tạo peptit, tính khối lượng peptit dựa vào phản ứng thủy phân hoặc đốt	3	2	1	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			cháy.				
2	Chương 4: Polime	4. Đại cương về polime. Vật liệu polime	Nhận biết: - Khái niệm, tên gọi, đặc điểm cấu tạo, ứng dụng một số polime: chất dẻo, tơ, cao su. - Một số phương pháp tổng hợp polime (trùng hợp, trùng ngưng). Thông hiểu: - Từ đặc điểm cấu tạo của monome dự đoán được loại phản ứng điều chế polime tương ứng, viết được công thức cấu tạo và ngược lại. - Phân biệt được chất dẻo, cao su, tơ. - Phân biệt được polime thiên nhiên với polime tổng hợp hoặc nhân tạo.	4	2	0	0
3	Chương 5: Đại cương kim loại	5. Tính chất kim loại, dãy điện hóa	Nhận biết: - Tính chất vật lý, tính chất hoá học của kim loại. - Khái niệm cặp oxi hóa – khử, khả năng khử của các kim loại và khả năng oxi hóa của các ion kim loại. Thông hiểu: - Quy luật sắp xếp và ý nghĩa dãy điện hóa các kim loại. Viết được PTHH chứng minh tính khử của kim loại, tính oxi hóa của ion kim loại. - Tính khối lượng kim loại phản ứng hoặc sản phẩm tạo thành trong phản ứng oxi hóa kim loại. - Xác định thành phần định tính của sản phẩm trong phản ứng oxi hóa kim loại. - Tính % khối lượng kim loại trong hỗn hợp; bài toán xác định kim loại.	2	1	0	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
		6. Sự ăn mòn kim loại	Nhận biết: - Các khái niệm: ăn mòn kim loại, ăn mòn hoá học, ăn mòn điện hoá. Điều kiện xảy ra sự ăn mòn kim loại. Các biện pháp bảo vệ kim loại khỏi bị ăn mòn. - Phân biệt được ăn mòn hoá học và ăn mòn điện hoá ở một số hiện tượng thực tế.	1	0	0	0
		7. Điều chế kim loại	Nhận biết: - Nhận ra phương pháp điều chế kim loại (thủy luyện, nhiệt luyện, điện phân). Nguyên tắc điều chế kim loại. - Biết các phản ứng điều chế một số kim loại điển hình (Na, Mg, Al, Fe, Cu...) Thông hiểu: - Lựa chọn được phương pháp điều chế kim loại cụ thể cho phù hợp từ hợp chất hoặc hỗn hợp. Viết các PTHH điều chế kim loại. - Tính khối lượng nguyên liệu sản xuất được một lượng kim loại xác định theo hiệu suất hoặc ngược lại. - Tính khối lượng các kim loại trong hỗn hợp dựa vào phản ứng oxi hóa kim loại. Vận dụng: - Bài toán điện phân có sử dụng biểu thức Faraday.	1	0	1	0
4		8. Tổng hợp kiến thức hữu cơ	Thông hiểu: - Tính chất vật lý, tính chất hoá học đặc trưng của các este, chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit, peptit, protein, polime. - Sử dụng dụng cụ hoá chất để tiến hành an toàn, thành công các thí nghiệm. Quan sát thí nghiệm, nêu hiện tượng, giải thích và viết các phương trình hoá học. Vận dụng: - Viết PTHH chuyển hóa các este, chất béo, cacbohidrat, amin, amino axit - Viết đồng phân cấu tạo, gọi tên của este,	0	2	2	0

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo cấp độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
			chất béo, amin, amino axit, peptit. - Tính khối lượng các chất có trong hỗn hợp amin, amino axit, peptit.				
5		9. Tổng hợp kiến thức vô cơ	Thông hiểu: - Tính chất vật lý, tính chất hoá học của kim loại. So sánh tính chất của kim loại dựa vào dãy điện hóa. - Dựa vào dãy điện hóa xác định thành phần (định tính, định lượng) của các kim loại trong hỗn hợp. Vận dụng: - Tính khối lượng các kim loại trong hỗn hợp dựa vào phản ứng oxi hóa kim loại.	0	1	2	0
Tổng				15	9	6	0

KHỐI 11

STT	NỘI DUNG KIẾN	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Áp dụng cao
1	Sự điện li	I.1. Sự điện li	Biết: - Định nghĩa và phân biệt được chất điện li, chất không điện li, chất điện li mạnh, chất điện li yếu.	1	0	0	
2		I.2. Phản ứng trao đổi ion	Hiểu: - Viết được phương trình ion đầy đủ và rút gọn liên quan hợp chất HNO ₃ (không có tính oxi hóa), muối amoni, muối nitrat, muối photphat, muối	0	1	0	
3		II.1. Nitơ, Amoniac và muối amoni	Biết: - Tính chất hoá học của amoniac và muối amoni, và nhận biết được ion amoni trong dung dịch.	1	0	0	
4		II.2. Axit nitric và muối nitrat	Hiểu: - Toán 1 kim loại hoặc 1 phi kim hoặc 1 hợp chất tác dụng HNO ₃ sinh ra NO hoặc NO ₂ . Vận dụng: - Toán 1 kim loại tác dụng với hỗn hợp H ⁺ và NO ₃ ⁻ .	0	1	1	
5		II.3. Photpho	Biết: - Tính chất hoá học cơ bản của photpho.	1	0	0	
6		II.4. Axit photphoric, muối photphat	Hiểu: - Sản phẩm của phản ứng giữa dd bazơ (NaOH, Ca(OH) ₂) và H ₃ PO ₄ tùy theo tỉ lệ số mol giữa axit và bazơ. (Chỉ cho toán có NaOH)	1	1	0	
7		II.5. Phân bón hóa học	Biết: - Tính chất, ứng dụng, điều chế phân đạm, lân, kali, NPK và vi lượng. Hiểu: - Tính khối lượng phân bón cần thiết để cung cấp một lượng nguyên tố dinh dưỡng.	1	1	0	
8	Cacbon - Silic	III.1 Cacbon và hợp chất	Biết: - Trình bày được tính chất vật lý, ứng dụng C, CO, CO ₂ , muối cacbonat. - Trình bày được tính chất hoá học của C, CO, CO ₂ , muối cacbonat. Hiểu: - Tính chất hoá học của C, CO, CO ₂ , muối cacbonat. - Các hiện tượng thí nghiệm, tự nhiên liên quan CO ₂ , muối cacbonat. Vận dụng: - CO phản ứng với một hoặc hỗn hợp Oxit kim loại. - CO ₂ phản ứng với dung dịch 1 bazơ (NaOH, Ba(OH) ₂) (cho biết sản phẩm hoặc mol)	2	2	2	
9		IV.1 Mở đầu hóa hữu cơ	Biết: - Nếu được khái niệm hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ; đặc điểm chung của các hợp chất hữu cơ. - Phân biệt được hidrocarbon và dẫn xuất của hidrocarbon theo thành phần phân tử. Hiểu: - Phân tích nguyên tố : Phân tích định tính, phân tích định lượng.	2	1	0	
10	Đại cương hóa hữu cơ	IV.2 Công thức phân tử chất hữu cơ	Biết: - Khái niệm về công thức đơn giản nhất, công thức phân tử hợp chất hữu cơ - Nội dung thuyết cấu tạo hoá học trong hoá học hữu cơ. - Biết được chất đồng đẳng, đồng phân. Hiểu: - Xác định đồng phân cấu tạo mạch hở của C ₄ H ₁₀ , C ₅ H ₁₂ , C ₄ H ₈ , C ₂ H ₆ O, C ₃ H ₈ O, C ₃ H ₇ X, C ₄ H ₉ X (với X là -OH hoặc halogen) Vận dụng: - Thiết lập công thức phân tử.	3	1	2	
				12	8	5	

KHỐI 10

NỘI DUNG KIẾN THỨC	đơn vị kiến thức	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN BIẾT								tổng số câu	Tổng thời gian	tỉ lệ %	thời lượng giảng dạy (tiết)	số điểm tương đương	ĐẶC TẢ
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG							
		ch TN	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TN	Thời gian	ch TN	Thời gian	chTN					
Chương 2: Bảng tuần hoàn	1. Vị trí BTH, So sánh tính kim loại, tính phi kim	1	1.8	1	1.8	-	-			2.0	3.60	8.0%	1	0.8	NB: Xác định vị trí BTH, tính chất. TH: so sánh tính KL, PK
	2. Oxit cao nhất, hợp chất khí với hidro, hidroxit	3	5.4	1	1.8	1.0	1.8			5.0	9.00	20.0%	2	2.0	NB, TH: Xác định CT oxit cao nhất, CT hợp chất khí, CT hidroxit. VD: Tìm R
	3. Toán TSH ion		-		-	1.0	1.8			1.0	1.80	4.0%	1	0.4	Xác định số hạt... trong ion, nguyên tử
	4. Xác định 1 KL hoặc 2 KL liên tiếp		-		-	1.0	1.8			1.0	1.80	4.0%	1	0.4	Xác định KL trong cùng CK hoặc cùng nhóm liên tiếp nhau hoặc toán ptpu
	5. Tổng hợp kiến thức		-		-	1.0	1.8			1.0	1.80	4.0%	2	0.4	
Chương 3: Liên kết hóa học	6. Số oxi hóa	3	5.4		-		-			3.0	5.40	12.0%	3	1.2	Xác định số oxi hóa của nguyên tố
	7. Liên kết cộng hóa trị	1	1.8	1	1.8		-			2.0	3.60	8.0%	3	0.8	NB: Xác định được loại liên kết trong phân tử
	8. Liên kết ion	1	1.8	1	1.8		-			2.0	3.60	8.0%	3	0.8	VD:Xác định được sự hình thành liên kết, viết CTCT
Chương 4: phản ứng oxi hóa khử	9. Phản ứng oxi hóa khử	3	5.4	4	7.2	1.0	1.8			8.0	####	32.0%	3	3.2	NB: Xác định phản ứng oxi hóa khử, chất khử, chất oxi hóa. TH: Xác định sự khử, sự oxi hóa. VD: bảo toàn e
tổng		12	19.8	8	12.6	5.0	9			###	45	100%	16	10	
tỉ lệ		48%		32%		20%						100%			
tổng điểm		4.8		3.2		2						10.00			

Trên đây là kế hoạch thực hiện Kiểm tra Cuối kỳ 1 năm học 2021-2022 của tổ Hoá học trường THPT Nguyễn Tất Thành, giáo viên trong tổ sẽ thực hiện đầy đủ và nghiêm túc, đúng tiến độ; cam kết chấp hành đúng quy chế kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo điểm số kiểm tra phù hợp với trình độ học sinh, đánh giá đúng kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

KT.HIỆU TRƯỞNG

TTCM

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đề “báo cáo”
- GVBM trong tổ đề “thực hiện”
- Lưu hồ sơ tổ.

Trần Thụy Kim Nhung

Lê Tấn Diện